

Cao Bằng, ngày 06 tháng 3 năm 2023

ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	8,50	Tám phẩy năm	41	Nguyễn Thị Huyền My	9,00	Chín
2	Hoàng Thị Chao	8,75	Tám phẩy bảy năm	42	Lý Thị Mùi	8,75	Tám phẩy bảy năm
3	Lôi Thị Chao	8,75	Tám phẩy bảy năm	43	Lục Thị Bích Ngọc	8,50	Tám phẩy năm
4	Trần Huệ Chi	8,25	Tám phẩy hai năm	44	Nông Thị Ngâm	9,00	Chín
5	Đàm Quang Chiến	8,75	Tám phẩy bảy năm	45	Dương Thị Nghiệp	9,00	Chín
6	Hoàng Ngọc Diệp	9,75	Chín phẩy bảy năm	46	Nguyễn Thị Nhã	9,00	Chín
7	Đàm Đức Dũng		Thôi học	47	Nguyễn Tuyết Nhung	9,00	Chín
8	Nguyễn Minh Đoàn	8,75	Tám phẩy bảy năm	48	Ma Thị Oanh	9,50	Chín phẩy năm
9	Lã Thị Giang	8,50	Tám phẩy năm	49	Lý Thị Phúc	9,25	Chín phẩy hai năm
10	Đình Văn Giáp	8,50	Tám phẩy năm	50	Ngô Thị Phượng	9,00	Chín
11	Nông Thị Ngân Hà	8,75	Tám phẩy bảy năm	51	Hoàng Hải Quý	9,00	Chín
12	Hoàng Thị Thanh Hà	8,00	Tám	52	Phùng Thị Quỳnh	8,00	Tám
13	Nông Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	53	Nông Công Sỹ	9,00	Chín
14	Nông Thị Hằng	9,50	Chín phẩy năm	54	Phạm Thị Tài	9,00	Chín
15	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	55	Chu Văn Tình	9,50	Chín phẩy năm
16	Đỗ Thị Hằng	9,00	Chín	56	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
17	Lâm Thị Hiền	8,75	Tám phẩy bảy năm	57	Nông Quốc Thắng	9,00	Chín
18	Hoàng Thị Thu Hiền	9,00	Chín	58	Nguyễn Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
19	Lục Minh Hiền	9,00	Chín	59	Lục Xuân Trường	9,50	Chín phẩy năm
20	Nguyễn Thị Thanh Hoa	9,00	Chín	60	Phạm Thị Minh Thoa	8,75	Tám phẩy bảy năm
21	Hoàng Thị Hoan	8,50	Tám phẩy năm	61	Mã Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
22	Nông Thị Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	62	La Thị Minh Thứ	8,50	Tám phẩy năm
23	Vũ Thị Hồng	9,00	Chín	63	Lại Thị Minh Thúy	9,00	Chín
24	Đông Thanh Huệ	9,50	Chín phẩy năm	64	Nông Bích Thủy	9,00	Chín
25	Ngân Thị Hương	9,00	Chín	65	Bé Thị Thanh Thủy	9,00	Chín
26	Vũ Thị Lan Hương	8,50	Tám phẩy năm	66	Lăng Thị Thủy	9,00	Chín

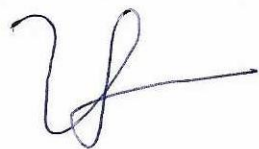
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
27	Phạm Thị Lan Hương	9,50	Chín phẩy năm	67	Nguyễn Thị Thu Trang	9,00	Chín
28	Nông Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	68	Phan Thị Thu Trang	9,00	Chín
29	Lý Ánh Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lương Quang Tuấn	8,75	Tám phẩy bảy năm
30	Lục Đức Khánh		Thôi học	70	Nguyễn Thị Tuyền	8,50	Tám phẩy năm
31	Lục Thị Kiều	9,50	Chín phẩy năm	71	Nông Thị Tuyết	9,00	Chín
32	Lục Thị Phương Lan	9,50	Chín phẩy năm	72	Bế Xuân Vinh	8,50	Tám phẩy năm
33	Nông Thị Diệu Linh	9,75	Chín phẩy bảy năm	73	Hoàng Trường Vương	8,50	Tám phẩy năm
34	Phan Khánh Linh	9,25	Chín phẩy hai năm	74	Hoàng Thị Kiều Xuân	9,00	Chín
35	Phan Thị Liên	9,00	Chín	75	Nguyễn Hải Yến	9,00	Chín
36	Hoàng Thị Liên	9,75	Chín phẩy bảy năm	76	Đàm Thị Yến	8,50	Tám phẩy năm
37	Nông Thị Thúy Lưu	9,00	Chín	77	Trần Thị Bạch Yến	9,00	Chín
38	Đinh Thị Lụa	9,00	Chín	78	Lương Thị Hải Yến	9,00	Chín
39	Hà Vũ Mạnh	9,00	Chín	79	Triệu Kim Ngân (K03)	9,00	Chín
40	Nông Thị Huyền My	9,75	Chín phẩy bảy năm				

Điểm 7,00: 01 điểm; Điểm 7,50: 02 điểm; Điểm 8,00: 04 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm; Điểm 8,50: 12 điểm; Điểm 8,75: 9 điểm; Điểm 9,00: 32 điểm; Điểm 9,25: 02 điểm; Điểm 9,50: 08 điểm; Điểm 9,75: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa